

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024

V/v “ Không công nhận  
quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Bùi Thị Kim Loan;

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962.

Nơi thường trú: tổ E, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: bà Lê Thị H, sinh năm 1961.

Nơi thường trú: tổ E, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1-Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2023, bản tự khai đề ngày 22/12/2023 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông xây dựng gia đình với bà **Lê Thị H1** tháng 8 năm 1987, có làm lễ cưới theo phong tục truyền thống của người dân Việt Nam. Sau lễ cưới ông và bà **H2** sống chung với nhau ở nhà bố mẹ đẻ của ông tại tổ E, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh từ đó cho đến nay. Sau cưới thì ông và bà **H3** đăng ký kết hôn ở **UBND phường C**. Vào năm 1991 ông có làm một số thủ tục hành chính thì phát hiện ra không còn Giấy chứng nhận kết hôn đó nữa. Sau khi cưới vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như lối sống, bà **H4** xuyên chửi bới, xúc phạm và nghi ngờ ông một cách vô cớ, nên dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, ông đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà **H5**

Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Ánh T1 (sinh ngày 27/3/1988) và **Nguyễn Ngọc T1** (sinh ngày 16/2/1990). Hai con chung đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về vay nợ chung: không có.

2- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lê Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông **Nguyễn Ngọc T2** dựng gia đình với nhau vào tháng 8/1987, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường C**, tỉnh Quảng Ninh Sau khi đăng ký UBND phường C có giao cho vợ chồng bà **G** ký kết hôn bản chính nhưng bà không giữ mà để ông **T3** từ năm đó đến nay. Vợ chồng bà có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi cưới hai vợ chồng về sống chung với bố mẹ đẻ ông **T4** tổ E, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh Khi con cái còn nhỏ hai vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 (sau khi ông **T5** nghỉ hưu một thời gian) thì phát sinh mâu thuẫn do ông **T6** nhiều biểu hiện không chung thủy. Vì vậy do ức chế nên thường xuyên bà có chửi bới xúc phạm ông **T7** ông **T6** đánh bà. Chính vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều và mối quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, hai bên không nói chuyện được với nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Tuy nhiên đến thời điểm này cả hai đã lên ông lên bà, do vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **T8** nếu ông **T9** cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung **Nguyễn Thị Ánh T10** (sinh ngày 27/3/1988) và **Nguyễn Ngọc T1** (sinh ngày 16/2/1990). Hai con chung đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

3 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường C thể hiện: qua tra cứu sổ gốc đăng ký kết hôn còn lưu trữ tại UBND phường C thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thì thấy **UBND nhân dân phường C** còn lưu giữ sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 1992 đến nay và không có thông tin về đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn lại của ông Nguyễn Ngọc T (sinh ngày 01/11/1962) và bà Lê Thị H (sinh ngày 19/2/1961) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ E, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú thể hiện: Vợ chồng

ông T7 bà H6 đồng quan điểm từ rất lâu, tổ khu đã sang hoà giải từ năm 2021 và năm 2022 nhưng tình cảm vợ chồng ông T bà H7 không hoà hợp. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tuân thủ các quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T11 bà Lê Thị H

Về con chung: ông T11 bà H có 02 con chung: Nguyễn Thị Ánh T10 (sinh ngày 27/3/1988) và Nguyễn Ngọc T1 (sinh ngày 16/2/1990), hai con chung đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ giữa ông với bà Lê Thị H hiện cư trú tại địa bàn thành phố C vợ chồng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị H8 mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời trình bày của ông T4 phiên toà và lời trình bày của bà H9 Biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đều có nội dung: ông, bà có làm đám cưới theo nghi lễ truyền thống của dân tộc Việt Nam và đăng ký kết hôn vào vào tháng 8/1987 tại UBND phường C, tỉnh Quảng Ninh là nơi ông bà sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú từ năm 1987 cho đến nay và Giấy đăng ký kết hôn ông T3 nhưng đến nay đã bị thất lạc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tin tưởng nhau về tình cảm nên dẫn đến thường xuyên xung đột bất hoà và hai vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Lời trình bày của ông T11 bà H10 hợp với xác nhận tình trạng hôn nhân của tổ khu nơi ông bà sinh sống. Ngoài ra theo xác nhận của ủy ban nhân dân phường C “ Qua tra cứu sổ gốc đăng ký kết hôn còn lưu trữ tại UBND phường C thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thì thấy UBND nhân dân phường C còn lưu giữ sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 1992 đến nay và không có thông tin về đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn lại của ông Nguyễn Ngọc T (sinh ngày 01/11/1962) và bà Lê Thị H (sinh ngày 19/2/1961) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ E, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh”. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chứng minh từ

khi về chung sống với nhau ông T11 bà H11 thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đồng thời quan hệ hôn nhân của ông T11 bà H12 không phải là hôn nhân thực tế vì hai ông bà làm đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ giữa năm 1987 cho đến nay. Chiều theo điểm b, mục 3 nghị quyết 35/2000/QH-10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T12 công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H5

[2.2] Về con chung: ông T11 bà H có 02 con chung Nguyễn Thị Ánh T10 (sinh ngày 27/3/1988) và Nguyễn Ngọc T1 (sinh ngày 16/2/1990). Hai con chung đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên không Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: ông T13 nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 147 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 9, Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị H13

2. Về con chung: ông T11 bà H có 02 con chung: Nguyễn Thị Ánh T10 (sinh ngày 27/3/1988) và Nguyễn Ngọc T1 (sinh ngày 16/2/1990). Hai con chung đã trưởng thành và đều không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần.

3. Về tài sản chung và về nợ chung: không có.

4. Về án phí: ông Nguyễn Ngọc T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí ông T14 nộp theo biên lai thu tiền số 0002157 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, ông T đã nộp đủ tiền án phí.

5- Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cẩm Phả;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả.
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**Nguyễn Thị Loan**